TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2020.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương;
2. Bà Nguyễn Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: abc, khu phố x, phường AP, thành phố TA, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1977; địa chỉ: abc, khu phố x, phường AP, thành phố TA, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2019, quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đức T quen biết và tự tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/03 ngày 09/4/2003.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm không còn, xung đột và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hai người không còn sống chung với nhau đã lâu, bà Nguyễn Thị L yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đức T sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 04/11/2003 và Nguyễn Thiên Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2009. Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông Nguyễn Đức T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An có ý kiến:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình, không mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình; nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng mâu thuẫn giữa bà L và ông T là trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người ly thân đã lâu. Về con chung: Hiện tại cháu N và cháu A đang sống cùng bà L, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu A; các cháu N và A đều có mong muốn được sống cùng với mẹ; ông T không có ý kiến gì về nuôi con. Do đó, cần giao cháu N và cháu A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Đức T là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông T. Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà L.

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn, tranh chấp về con chung với ông Nguyễn Đức T, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Nguyễn Đức T là bị đơn hiện đang cư trú tại phường An Phú, thành phố Thuận An nên Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đức T quen biết, tự tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/03 ngày 09/4/2003, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Theo trình bày của bà L, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình thay đổi, thường xuyên cãi vã, lâu dần làm cho cuộc sống hàng ngày căng thẳng, mệt mỏi, không có tiếng nói chung, dần dần mất tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Hiện nay, bà L và ông T đã ở riêng, không còn chung sống với nhau chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai người rất trầm trọng.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa án, điều đó cho thấy ông T không có mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà L. Như vậy, trình bày của bà Nguyễn Thị L về mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng là có căn cứ. Mục đích hôn nhân giữa bà L và ông T nhằm tạo lên một gia đình hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, giúp đỡ nhau, cùng nhau nuôi dạy các con và xây dựng kinh tế gia đình không đạt được. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đức T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không thể đoàn tụ để chung sống được nữa, nên trình bày của bà L về mâu thuẫn vợ chồng, không còn tình cảm và xin được ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà L và ông T sinh được 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 04/11/2003 và Nguyễn Thiên Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2009. Xét thấy, hiện tại cháu N và cháu A đang sống cùng bà L và cùng có nguyện vọng được sống với mẹ. Quá trình tố tụng, ông T không có ý kiến gì về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà L. Qua xem xét yêu cầu, điều kiện nuôi dạy con của bà L và nguyện vọng của cháu N, cháu A, Tòa án nhận thấy bà L có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy, giao cháu N và cháu A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở; tuy nhiên ông T không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở, ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của bà L và các con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 68, 69, 70, 71, 72; 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Đức T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 04/11/2003 và Nguyễn Thiên Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2009 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu ông Nguyễn Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0046261 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- Chi cục THADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Quân